

Số: 28/2022/CBTT-HHV

TP. Đà Nẵng, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

- Mã chứng khoán: **HHV**
- Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
- E-mail: [info@hhv.com.vn](mailto:info@hhv.com.vn) Website: [hhv.com.vn](http://hhv.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2021 (riêng và hợp nhất) kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã kiểm toán và Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Báo cáo tài chính năm 2021**

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính năm 2021 (riêng và hợp nhất) kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) và Công văn số 176/2022/HHV ngày 28/3/2022 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Báo cáo tài chính năm 2021. Nội dung chi tiết theo bản Báo cáo tài chính và Công văn đính kèm.

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/3/2022 tại đường dẫn: [http://www.hhv.com.vn/Quan\\_hệ\\_cổ\\_đồng/công\\_bố\\_thông\\_tin](http://www.hhv.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/công_bố_thông_tin)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2021 (riêng và hợp nhất) đã kiểm toán của Công ty;
- Công văn số 176/2022/HHV ngày 28/3/2022 của Công ty.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ  
Người được ủy quyền CBTT**



**Kế toán trưởng  
Nguyễn Văn Ân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO  
THÔNG ĐÈO CẢ**

*Báo cáo tài chính riêng*

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021  
*đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 64



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### Công ty

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

##### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
<b>Công ty con:</b>			
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	1.486.031.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000
<b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoá, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này Công ty có các sự kiện phát sinh sau niên độ như sau:

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc bổ trên Báo cáo tài chính riêng.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05/04/2019	
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông: Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17/06/2020	01/11/2021
Ông: Trần Chung	Thành viên	17/06/2020	
Ông: Nguyễn Quang Huy	Thành viên	01/11/2021	
Ông: Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập	01/11/2021	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10/12/2020	
Ông: Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	01/09/2020	30/03/2021
Ông: Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14/01/2021	
Bà: Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30/03/2021	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018	
Ông: Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17/06/2020	26/04/2021
Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:			
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Kế toán trưởng:			
Ông: Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022



Đại diện Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

NGUYỄN QUANG HUY





Số: 250/BCKT/TC/2022/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cà, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022 từ trang 06 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng giám đốc**

  
**LÊ VĂN TUẤN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

**Kiểm toán viên**



**LÊ VĂN TÂN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2018-142-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>838.451.206.123</b>	<b>623.388.235.981</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	11.600.983.258	76.734.825.238
111	1. Tiền		8.100.983.258	7.734.825.238
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	69.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>782.361.201.522</b>	<b>450.709.629.222</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	627.923.680.598	288.399.822.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	11.029.529.737	9.706.806.018
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	1.000.000.000	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	155.618.537.918	165.975.402.365
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(13.210.546.731)	(13.372.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.08	<b>44.059.032.517</b>	<b>94.753.058.598</b>
141	1. Hàng tồn kho		44.059.032.517	94.753.058.598
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>429.988.826</b>	<b>1.190.722.923</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	429.988.826	1.190.722.923
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.975.211.790.305</b>	<b>2.924.984.488.743</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.094.427.531</b>	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.03	3.094.427.531	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>27.152.174.909</b>	<b>48.078.973.192</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	26.598.323.500	47.512.240.695
222	- Nguyên giá		91.686.904.292	122.523.366.282
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(65.088.580.792)	(75.011.125.587)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	553.851.409	566.732.497
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(109.441.225)	(96.560.137)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.09	<b>12.259.242.728</b>	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.259.242.728	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>2.932.165.900.000</b>	<b>2.875.965.900.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.660.665.900.000	2.614.465.900.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		269.500.000.000	259.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>540.045.137</b>	<b>939.615.551</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	540.045.137	939.615.551
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.813.662.996.428</b>	<b>3.548.372.724.724</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>844.131.880.942</b>	<b>808.557.778.549</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>625.822.930.942</b>	<b>703.587.938.115</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	230.529.989.839	166.742.868.656
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	7.648.775.163	108.803.239.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	42.260.801.005	14.348.884.546
314	4. Phải trả người lao động		8.197.991.848	11.253.522.652
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	48.101.149.844	28.118.597.627
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	54.080.267.206	34.020.233.167
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	233.259.659.318	338.556.294.808
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.744.296.719
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>218.308.950.000</b>	<b>104.969.840.434</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	-	10.211.507.100
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	218.308.950.000	94.758.333.334
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	981.270.411.446	544.763.273.947
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		981.270.411.446	544.763.273.947
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	715.582.190.820	477.337.289.996
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.688.220.626	67.425.983.951
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	43.785.550.733	28.620.814.527
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	25.944.130.547	29.789.067.552
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.944.130.547	29.789.067.552
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	24.751.225.674	20.863.981.680
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		258.778.415.138	45.393.749.246
31	11. Thu nhập khác	VI.06	21.169.887.644	324.320.371
32	12. Chi phí khác	VI.07	53.326.772	333.651.011
40	13. Lợi nhuận khác		21.116.560.872	(9.330.640)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		279.894.976.010	45.384.418.606
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.08	50.178.806.699	4.601.890.606
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		229.716.169.311	40.782.528.000

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN AN

NGUYỄN QUANG HUY

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***(Theo phương pháp gián tiếp)**Năm 2021**Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>279.894.976.010</b>	<b>45.384.418.606</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		6.003.570.483	6.579.604.547
03	- Các khoản dự phòng		(161.854.500)	58.000.000
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(62.602.141.115)	(28.620.814.527)
06	- Chi phí lãi vay		25.944.130.547	29.789.067.552
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>249.078.681.425</b>	<b>53.190.276.178</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(356.584.145.331)	(74.946.133.175)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		50.694.026.081	11.377.538.299
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(38.945.309.606)	615.642.709.195
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.160.304.511	609.601.122
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.239.473.366)	(29.789.067.552)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.553.062.468)	(2.295.676.727)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	632.624.644
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(118.388.978.754)</b>	<b>574.421.871.984</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.476.213.317)	(4.143.673.094)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		33.891.818.182	408.181.819
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.200.000.000)	(639.790.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	49.083.120.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.785.550.733	28.620.814.527
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>35.001.155.598</b>	<b>(565.821.556.748)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		623.680.011.240	921.335.901.434
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(605.426.030.064)	(862.685.938.506)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		18.253.981.176	58.649.962.928
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(65.133.841.980)	67.250.278.164
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		76.734.825.238	9.484.547.074
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<b>11.600.983.258</b>	<b>76.734.825.238</b>



Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **2.673.840.900.000** VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cà, Cỏ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	0
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất	03



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**- Danh sách công ty con bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	65,58%	65,58%	65,58%
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh-Phường Tân Định-Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	71,02%	70,36%	71,02%	70,36%
Công ty cổ phần Phước trợng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

**- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 32 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 12 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	47,10%	47,04%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	31,60%	29,25%	31,60%	29,25%

**Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con**

**(1) Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 13 ngày 15/11/2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000	VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000	VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000	VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**(1) Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn (tiếp theo)**

Tại ngày 06/2018 hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km 1 + 800 – Km 106 + 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Tại ngày 15/01/2020 hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang - TP Lạng Sơn đoạn Km45+100 - Km 108+ 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021: 1.375.836.000.000 VND

**(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐT/TTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tại ngày 03/09/2017 hạng mục hầm Cổ Mã, hầm Đèo Cả; ngày 01/04/2019 hạng mục hầm Cù Mông bắt đầu đưa vào khai thác sử dụng và phát sinh doanh thu. Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 21.612.008.175.000 VND

+ Vốn tự có: 1.749.864.583.000 VND

+ Vốn khác: 1.438.432.378.000 VND

+ Vốn vay: 13.375.708.235.000 VND

+ Vốn Nhà nước hỗ trợ: 5.048.002.979.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021: 2.092.450.000.000 VND

**(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia ( Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

<b>(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT (tiếp theo)</b>		
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.231.104.000	VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	262.000.000.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	1.297.231.104.000	VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>		VND
<i>Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án</i>		
<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:</i>	273.786.000.000	VND
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.		

### Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

#### 1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 11 năm 2020

*Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng*

*Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là:* 61.500.000.000 VND

#### 2. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cù Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	339.447.800.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	2.305.030.200.000	VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>		VND

*Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án*

*Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:* 305.000.000.000 VND

*Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.*

#### 3. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018, Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tầm suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	1.749.000.000.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	6.994.000.000.000	VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>		VND
<i>Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án</i>		
<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:</i>	424.000.000.000	VND
<i>Tại ngày 31/12/2021 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.</i>		

**- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
+ Xi Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xi Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xi Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xi Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xi nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xi nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

**II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1 . Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

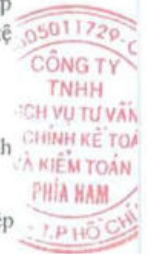
+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### + Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT. BT.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phân ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### - Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây lắp

Doanh thu hợp đồng xây lắp được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### - Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 16 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;  
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### 17 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020 . Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

### 19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 23. Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

**b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	2.093.723.164	123.123.405
- VND	2.093.723.164	123.123.405
Tiền gửi không kỳ hạn	6.007.260.094	7.611.701.833
- Tiền gửi (VND)	6.007.260.094	7.611.701.833
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	69.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.500.000.000	69.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.600.983.258</b>	<b>76.734.825.238</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:	-	-	-	-	-	-
b1) Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b2) Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
- Trái phiếu (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019-2029), lãi suất tham chiếu +1,2%/năm do Vietinbank phát hành

### c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con (*)</b>	<b>2.660.665.900.000</b>	-	-	<b>2.614.465.900.000</b>	-	-
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	902.303.650.000	-	-	902.303.650.000	-	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.486.031.250.000	-	-	1.439.831.250.000	-	-
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	272.331.000.000	-	-	272.331.000.000	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)</b>	<b>269.500.000.000</b>	-	-	<b>259.500.000.000</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	134.000.000.000	-	-	124.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.930.165.900.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.873.965.900.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) : Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

## 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
<b>a) Ngắn hạn:</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>627.923.680.598</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>288.399.822.070</b>
<b>Bên khác</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>231.336.580.340</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>18.012.229.520</b>
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	-	177.848.367.430	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	5.082.418.376	-	5.082.418.376
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty Cổ phần XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Đối tượng khác	680.060.179	38.049.962.231	680.060.179	2.573.978.841
<b>Bên liên quan (*)</b>	<b>-</b>	<b>396.587.100.258</b>	<b>-</b>	<b>270.387.592.550</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	-	6.656.906.673	-	2.794.496.852
Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam	-	-	-	1.324.856.876
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	-	822.000.000	-	348.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	-	52.007.261.820	-	57.155.927.220
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	26.681.428.257	-	21.821.245.712
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	8.018.141.334	-	2.358.205.811
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	161.649.663.847	-	184.404.860.079
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	270.000.000	-	180.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	-	140.481.698.327	-	-

Ghi chú (\*): Số dư đầu năm khoản phải thu với các bên liên quan được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

**03 PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

b) Dài hạn  
Bên liên quan  
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả  
Cộng

31/12/2021		01/01/2021	
Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
-	3.094.427.531	-	-
-	-	-	-
-	3.094.427.531	-	-
<b>11.035.892.482</b>	<b>631.018.108.129</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>288.399.822.070</b>

**04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

a) Ngắn hạn:  
Bên khác  
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS  
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt  
Công ty CP Pacific Dinco  
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc  
Công ty Cổ phần kỹ thuật Ánh Minh  
Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng  
Công ty TNHH MTV TM & DV kỹ thuật điện C.D.E  
Công ty TNHH Đá Hóa An 1  
Công ty TNHH XNK Thái Châu  
Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Trung  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn  
Công ty TNHH MTV Minh Đạt  
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic  
Đối tượng khác  
Bên liên quan  
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long  
b) Dài hạn  
Cộng

31/12/2021		01/01/2021	
Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
1.301.620.413	11.029.529.737	1.303.951.913	9.706.806.018
1.301.620.413	11.029.529.737	1.303.951.913	9.623.193.356
180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
-	-	6.300.000	6.300.000
181.774.313	181.774.313	181.774.313	181.774.313
-	912.353.431	-	-
-	300.000.000	-	-
-	3.599.297.300	-	-
-	2.787.370.611	-	-
-	145.000.000	-	-
-	425.036.000	-	-
-	-	-	6.500.000.000
-	-	-	200.000.000
-	-	-	250.000.000
266.275.000	1.825.126.982	262.306.500	1.631.547.943
-	-	-	<b>83.612.662</b>
-	-	-	83.612.662
-	-	-	-
<b>1.301.620.413</b>	<b>11.029.529.737</b>	<b>1.303.951.913</b>	<b>9.706.806.018</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

**05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn (*)	1.000.000.000	-
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

Giải thích (\*): Thông tin hợp đồng cho vay:

Bên vay	Hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Số tiền
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	Lãi suất 9%/năm HĐV 15.10	Dưới 12 tháng	Mua nhựa đường	1.000.000.000

**06 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn:	873.033.836	155.618.537.918	1.032.556.836	165.975.402.365
Tạm ứng	-	1.842.628.988	159.523.000	6.532.842.735
Phải thu khác	873.033.836	153.675.908.930	873.033.836	159.342.559.630
<b>Bên khác</b>	<b>873.033.836</b>	<b>994.547.848</b>	<b>873.033.836</b>	<b>35.564.257.848</b>
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	-	21.520.587	-	34.591.230.587
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
+ Phạm Đình Nam	3.817.479	3.817.479	3.817.479	3.817.479
+ Đối tượng khác	31.398.357	131.391.782	31.398.357	131.391.782
<b>Bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>152.681.361.082</b>	<b>-</b>	<b>123.778.301.782</b>
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	-	137.800.000.000	-	55.300.000.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà	-	-	-	32.000.000.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà- Bảo hành công trình	-	14.881.361.082	-	36.478.301.782
Ký cược, ký quỹ	-	100.000.000	-	100.000.000
<b>Bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>
Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cà	-	100.000.000	-	100.000.000
b) Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>873.033.836</b>	<b>155.618.537.918</b>	<b>1.032.556.836</b>	<b>165.975.402.365</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

**07 . NỢ XẤU**

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.210.546.731	-	13.440.768.231	68.367.000
+ Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529	-
+ Công ty QL và SC ĐB Đặc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533	-
+ Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chi Việt	673.571.100	-	673.571.100	-
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000	-
+ Đối tượng khác	3.140.014.569	-	3.370.236.069	68.367.000
<b>Cộng</b>	<b>13.210.546.731</b>	<b>-</b>	<b>13.440.768.231</b>	<b>68.367.000</b>

**08 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.385.808.582	-	5.027.348.465	-
- Công cụ, dụng cụ	243.035.758	-	259.142.127	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	38.430.188.177	-	89.466.568.006	-
<b>Cộng</b>	<b>44.059.032.517</b>	<b>-</b>	<b>94.753.058.598</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

Ghi chú(\*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành

**09 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản	12.259.242.728	-
+ Sửa chữa lớn văn phòng và nhà xưởng	12.259.242.728	-
<b>Cộng</b>	<b>12.259.242.728</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

## 10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	45.312.498.006	21.732.477.349	51.763.460.332	3.714.930.595	-	122.523.366.282
2. Số tăng trong năm	-	152.000.000	-	-	-	152.000.000
- Mua trong năm	-	152.000.000	-	-	-	152.000.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	18.335.168.721	6.630.589.108	2.942.839.831	3.079.864.330	-	30.988.461.990
- Thanh lý, nhượng bán	18.335.168.721	6.630.589.108	2.942.839.831	3.079.864.330	-	30.988.461.990
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	26.977.329.285	15.253.888.241	48.820.620.501	635.066.265	-	91.686.904.292
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	16.379.302.760	14.214.067.569	42.143.992.737	2.273.762.521	-	75.011.125.587
2. Khấu hao trong năm	1.507.068.487	1.660.354.711	2.518.098.760	305.167.437	-	5.990.689.395
- Khấu hao trong năm	1.507.068.487	1.660.354.711	2.518.098.760	305.167.437	-	5.990.689.395
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	6.149.606.581	4.876.698.382	2.919.238.137	1.967.691.090	-	15.913.234.190
- Thanh lý, nhượng bán	6.149.606.581	4.876.698.382	2.919.238.137	1.967.691.090	-	15.913.234.190
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	11.736.764.666	10.997.723.898	41.742.853.360	611.238.868	-	65.088.580.792
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	28.933.195.246	7.518.409.780	9.619.467.595	1.441.168.074	-	47.512.240.695
2. Tại ngày cuối năm	15.240.564.619	4.256.164.343	7.077.767.141	23.827.397	-	26.598.323.500

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 13.393.097.360 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.919.175.251 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2021

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	618.292.634	-	-	45.000.000	-	663.292.634
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	618.292.634	-	-	45.000.000	-	663.292.634
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	51.560.137	-	-	45.000.000	-	96.560.137
2. Khấu hao trong năm	12.881.088	-	-	-	-	12.881.088
- Khấu hao trong năm	12.881.088	-	-	-	-	12.881.088
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	64.441.225	-	-	45.000.000	-	109.441.225
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	566.732.497	-	-	-	-	566.732.497
2. Tại ngày cuối năm	553.851.409	-	-	-	-	553.851.409

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 553.851.409 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>429.988.826</b>	<b>1.190.722.923</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	168.140.464	936.823.258
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	261.848.362	253.899.665
<b>b) Dài hạn</b>	<b>540.045.137</b>	<b>939.615.551</b>
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	35.294.143	8.985.712
Các khoản khác	504.750.994	559.427.099
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	371.202.740
<b>Cộng</b>	<b>970.033.963</b>	<b>2.130.338.474</b>

### 13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

#### a) Vay ngắn hạn - VND (\*)

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Bên khác</b>	<b>194.527.763.715</b>	<b>194.527.763.715</b>	<b>377.675.344.574</b>	<b>341.071.980.064</b>	<b>157.924.399.205</b>	<b>157.924.399.205</b>
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	139.125.695.101	139.125.695.101	283.384.389.708	298.413.674.123	154.154.979.516	154.154.979.516
- Vay ngắn hạn NH TP Bank- CN Thăng Long HN	52.341.293.512	52.341.293.512	94.290.954.866	41.949.661.354	-	-
- Cán bộ, công nhân viên	3.060.775.102	3.060.775.102	-	708.644.587	3.769.419.689	3.769.419.689
<b>Bên liên quan</b>	<b>38.731.895.603</b>	<b>38.731.895.603</b>	<b>119.600.000.000</b>	<b>261.500.000.000</b>	<b>180.631.895.603</b>	<b>180.631.895.603</b>
- Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo Cả	36.731.895.603	36.731.895.603	119.600.000.000	261.500.000.000	178.631.895.603	178.631.895.603
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>233.259.659.318</b>	<b>233.259.659.318</b>	<b>497.275.344.574</b>	<b>602.571.980.064</b>	<b>338.556.294.808</b>	<b>338.556.294.808</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

## b) Vay dài hạn - VND (\*\*)

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	218.308.950.000	218.308.950.000	126.513.000.000	2.962.383.334	94.758.333.334	94.758.333.334
Bên khác	92.908.950.000	92.908.950.000	1.113.000.000	962.383.334	758.333.334	758.333.334
- NH CT - CN Đà Nẵng mua 3 chung cư	-	-	-	758.333.334	758.333.334	758.333.334
- NH TP Bank - mua xe ô tô	908.950.000	908.950.000	1.113.000.000	204.050.000	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	92.000.000.000	-	-	-	-
Bên liên quan	125.400.000.000	125.400.000.000	125.400.000.000	2.000.000.000	94.000.000.000	94.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	125.400.000.000	125.400.000.000	125.400.000.000	-	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	-	-	92.000.000.000	92.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>218.308.950.000</b>	<b>218.308.950.000</b>	<b>126.513.000.000</b>	<b>2.962.383.334</b>	<b>94.758.333.334</b>	<b>94.758.333.334</b>

## \* Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 01/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cả vật xe oto, giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà tại căn hộ Plaza
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 02/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**\* Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn: (tiếp theo)**

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
-Vay ngắn hạn NH TP Bank- CN Thăng Long HN	HĐ tín dụng số 47/2020 /HĐTD/TLG01 ngày 16/9/2020 và PL HĐ tín dụng số 432/2021 /HĐTD /TLG01 ngày 14/10/2021	300.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Hợp đồng vay số 0201 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

**\*\* Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Công Ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-A2Z ngày 30/7/2019, PLHĐ	2.000.000.000	24 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay số 15062021/HTBOT-DII ngày 15/06/2021	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân hàng TM Cổ phần Tiên Phong - TPBank	Hợp đồng vay số 19/2021/HĐTD/TLG/01 ngày 27/01/2021	1.113.000.000	60 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh định năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn:</b>	<b>230.529.989.839</b>	<b>230.529.989.839</b>	<b>166.742.868.656</b>	<b>166.742.868.656</b>
<i>Bên khác</i>	<i>174.916.458.873</i>	<i>174.916.458.873</i>	<i>116.545.094.114</i>	<i>116.545.094.114</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	721.000.000	721.000.000	-	-
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	112.650.000	112.650.000	412.000.000	412.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thịnh Construction	1.195.304.000	1.195.304.000	-	-
Công ty Cổ phần XDTN điện & trang trí nội thất EMTC3	10.000.000	10.000.000	15.344.365.177	15.344.365.177
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	-	-	14.733.684.000	14.733.684.000
Công ty TNHH đầu tư chuyển giao công nghệ Toàn Cầu	989.766.330	989.766.330	28.260.801.916	28.260.801.916
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thành	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010
Công ty xăng dầu Tiền Giang	169.301.000	169.301.000	656.002.154	656.002.154
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	2.552.438.731	2.552.438.731	-	-
Công ty Cổ phần Thép Sao Việt Hưng Yên	2.684.691.660	2.684.691.660	-	-
Công ty cổ phần T.Đ.T	2.384.188.715	2.384.188.715	-	-
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic	1.522.642.851	1.522.642.851	-	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trí Nam	122.491.454.000	122.491.454.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	36.707.888.576	36.707.888.576	53.763.107.857	53.763.107.857
<i>Bên liên quan</i>	<i>55.613.530.966</i>	<i>55.613.530.966</i>	<i>50.197.774.542</i>	<i>50.197.774.542</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD ICV Việt Nam	-	-	20.713.793.022	20.713.793.022
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	32.423.041.004	32.423.041.004	15.409.277.220	15.409.277.220
Công ty cổ phần An Ninh Đèo cả	15.548.127.266	15.548.127.266	14.074.704.300	14.074.704.300
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	1.796.396.412	1.796.396.412	-	-
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	5.845.966.284	5.845.966.284	-	-
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>230.529.989.839</b>	<b>230.529.989.839</b>	<b>166.742.868.656</b>	<b>166.742.868.656</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

#### a) Ngắn hạn:

##### Bên khác

Công ty xăng dầu Bình Định

Công ty Cổ phần XD công trình Ngâm

Công ty xăng dầu khu vực V

Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng

Đối tượng khác

##### Bên liên quan

Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả

#### b) Dài hạn:

##### Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả

Cộng

	31/12/2021	01/01/2021
	7.648.775.163	108.803.239.940
	7.648.775.163	43.162.246.733
	-	3.000.000.000
	1.495.821.371	1.495.821.371
	3.000.000.000	3.000.000.000
	2.475.005.925	2.475.005.925
	-	2.587.489.000
	677.947.867	30.603.930.437
	-	65.640.993.207
	-	65.640.993.207
	-	10.211.507.100
	-	10.211.507.100
	<b>7.648.775.163</b>	<b>119.014.747.040</b>

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.601.890.608	50.178.806.699	17.553.062.468	-	37.227.634.839
Thuế thu nhập cá nhân	-	241.916.995	89.700.502	261.891.239	-	69.726.258
Thuế giá trị gia tăng	-	9.505.076.943	49.498.480.719	54.040.117.754	-	4.963.439.908
Thuế tài nguyên	-	-	133.969.826	133.969.826	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	466.476.469	466.476.469	-	-
Thuế khác	-	-	326.588.589	326.588.589	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>14.348.884.546</b>	<b>100.694.022.804</b>	<b>72.782.106.345</b>	-	<b>42.260.801.005</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Báo cáo tài chính riêng

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp  
Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>48.101.149.844</b>	<b>28.118.597.627</b>
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	461.157.037	24.106.146.737
Trích trước lãi vay ngân hàng	173.450.166	206.670.702
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	47.466.542.641	3.805.780.188
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>48.101.149.844</b>	<b>28.118.597.627</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn:</b>	<b>54.080.267.206</b>	<b>34.020.233.167</b>
<b>Bên khác</b>	<b>20.489.208.012</b>	<b>8.525.613.373</b>
Kinh phí công đoàn	1.173.133.467	1.160.774.965
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Quỹ ủng hộ	418.533.926	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	362.061.688	153.292.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.535.478.931	6.793.012.395
<i>Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.606.087.366</i>	<i>1.606.087.366</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>16.929.391.565</i>	<i>5.186.925.029</i>
<b>Bên liên quan (*)</b>	<b>33.591.059.194</b>	<b>25.494.619.794</b>
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z</i>	<i>-</i>	<i>140.630.137</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T</i>	<i>11.487.780.823</i>	<i>5.946.849.315</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc</i>	<i>-</i>	<i>4.120.035.388</i>
<i>Công ty cổ phần tập đoàn Đèo Cả</i>	<i>22.103.278.371</i>	<i>15.287.104.954</i>
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>54.080.267.206</b>	<b>34.020.233.167</b>

Ghi chú (\*): Số dư đầu năm khoản phải trả khác với các bên liên quan được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

#### 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư năm trước	2.270.090.900.000	-	3.200.097.043	23.878.778.474	2.297.169.775.517
Tăng vốn trong năm trước	403.750.000.000	(208.000.000)	-	-	403.542.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	40.782.528.000	40.782.528.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-	1.651.224.644	-	1.651.224.644
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(28.132.698)	(28.132.698)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>(208.000.000)</b>	<b>4.851.321.687</b>	<b>61.330.724.488</b>	<b>2.739.814.946.175</b>

Năm nay

Số dư đầu năm nay	2.673.840.900.000	(208.000.000)	4.851.321.687	61.330.724.488	2.739.814.946.175
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	229.716.169.311	229.716.169.311
Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>(208.000.000)</b>	<b>4.851.321.687</b>	<b>291.046.893.799</b>	<b>2.969.531.115.486</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**19. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021	%	01/01/2021	%
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả (*)	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,42%
- Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,67%	18.000.000.000	0,67%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	677.831.250.000	25,35%	1.317.831.250.000	49,29%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	882.303.650.000	33,00%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	-	122.000.000.000	4,56%
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	-	-	108.331.000.000	4,05%
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	-	-	164.000.000.000	6,13%
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.940.117.100.000	72,56%	23.482.450.000	0,88%
<b>Cộng</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>100,00%</b>

(\*) Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả là Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

(*) Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1,42%	1,42%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	21,22%	25,35%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	21,22%	25,35%
<b>Cộng</b>	<b>22,64%</b>	<b>26,77%</b>

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 26,77%, tuy nhiên Tập đoàn vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

**19. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	-	-
- Vốn góp đầu năm	2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	403.750.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19. 4. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	267.384.090
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**19. 5. Các quỹ của công ty:**

	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	4.851.321.687	4.851.321.687
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	253.706.355.450	273.882.087.781
Doanh thu hoạt động xây lắp	634.211.145.006	191.579.031.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	8.702.727.273	12.256.638.637
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	4.664.914.551
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	59.704.736.459	57.490.029.421
Doanh thu khác	24.945.447.258	4.890.572.547
<b>Cộng</b>	<b>981.270.411.446</b>	<b>544.763.273.947</b>
<i>Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>704.811.511.042</i>	<i>479.053.785.424</i>
<i>Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường</i>	<i>253.706.355.450</i>	<i>273.882.087.781</i>
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>380.186.811.511</i>	<i>139.269.989.215</i>
<i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>-</i>	<i>4.664.914.551</i>
<i>Doanh thu vận hành các trạm thu phí</i>	<i>59.704.736.459</i>	<i>57.490.029.421</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>11.213.607.622</i>	<i>3.746.764.456</i>

**02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	123.092.255.018	200.818.532.766
Giá vốn hoạt động xây lắp	523.586.657.108	203.801.514.683
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	8.583.292.401	15.611.765.591
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	2.134.302.804
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	47.041.091.228	46.540.260.538
Giá vốn khác	13.278.895.065	8.430.913.614
<b>Cộng</b>	<b>715.582.190.820</b>	<b>477.337.289.996</b>

**03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.133.285.544	487.913.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.652.265.189	28.132.900.927
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	30.652.265.189	28.132.900.927
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	12.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.785.550.733</b>	<b>28.620.814.527</b>

**04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	25.944.130.547	29.789.067.552
<b>Cộng</b>	<b>25.944.130.547</b>	<b>29.789.067.552</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**05 . 1. Chi phí bán hàng**

**05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	23.282.286	39.912.504
Chi phí công cụ, dụng cụ	81.457.207	160.370.815
Chi phí nhân công	10.281.685.646	10.271.254.173
Chi phí khấu hao	885.408.729	1.747.966.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.181.602	1.778.325.115
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	9.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(161.854.500)	(14.000.000)
Các khoản chi phí khác	10.219.064.704	6.799.152.747
<b>Cộng</b>	<b>24.751.225.674</b>	<b>20.863.981.680</b>

**06 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.816.590.382	315.158.532
Thanh lý xe lu, xe tải, xe san	3.932.288.039	-
Chuyển nhượng văn phòng, nhà xưởng, nhà để xe	14.884.302.343	-
Các khoản khác	2.353.297.262	9.161.839
<b>Cộng</b>	<b>21.169.887.644</b>	<b>324.320.371</b>

**07 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Các khoản bị phạt	53.192.182	268.076.549
Các khoản khác	134.590	65.574.462
<b>Cộng</b>	<b>53.326.772</b>	<b>333.651.011</b>

**08 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	48.063.318.649	4.601.890.606
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	2.115.488.050	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>50.178.806.699</b>	<b>4.601.890.606</b>

**09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.619.680.605	120.524.348.003
Chi phí nhân công	258.286.508.563	222.307.443.718
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.003.570.483	6.953.762.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.974.817.936	47.204.231.403
Chi phí khác bằng tiền	78.839.346.375	85.926.837.425
<b>Cộng</b>	<b>697.723.923.962</b>	<b>482.916.623.490</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

**10 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT**

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	777.835.000	748.500.000
Tiền lương	1.385.807.453	1.209.435.596

**VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

- 01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
- 02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

**03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	Năm nay	Năm trước
	623.680.011.240	921.335.901.434

**04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

	Năm nay	Năm trước
	605.426.030.064	862.685.938.506

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

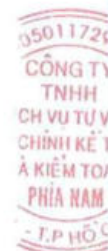
- 01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- 02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này Công ty có các sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2021 như sau:

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

- 03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 04 . Thông tin bộ phận

#### a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm trước	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.890.572.547	12.256.638.637	4.664.914.551	273.882.087.781	57.490.029.421	191.579.031.010	544.763.273.947
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.890.572.547</b>	<b>12.256.638.637</b>	<b>4.664.914.551</b>	<b>273.882.087.781</b>	<b>57.490.029.421</b>	<b>191.579.031.010</b>	<b>544.763.273.947</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.540.341.067)	(3.355.126.954)	2.530.611.747	73.063.555.015	10.949.768.883	(12.222.483.673)	67.425.983.951
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(20.863.981.680)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>							<b>46.562.002.271</b>
Doanh thu hoạt động tài chính							28.620.814.527
Chi phí tài chính							(29.789.067.552)
Thu nhập khác							324.320.371
Chi phí khác							(333.651.011)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(4.601.890.606)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>							<b>40.782.528.000</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							4.143.673.094
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>							<b>6.579.604.547</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.945.447.258	8.702.727.273	-	253.706.355.450	59.704.736.459	634.211.145.006	981.270.411.446
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24.945.447.258</b>	<b>8.702.727.273</b>	<b>-</b>	<b>253.706.355.450</b>	<b>59.704.736.459</b>	<b>634.211.145.006</b>	<b>981.270.411.446</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.666.552.193	119.434.872	-	130.614.100.432	12.663.645.231	110.624.487.898	265.688.220.626
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(24.751.225.674)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>							<b>240.936.994.952</b>
Doanh thu hoạt động tài chính							43.785.550.733
Chi phí tài chính							(25.944.130.547)
Thu nhập khác							21.169.887.644
Chi phí khác							(53.326.772)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(50.178.806.699)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>							<b>229.716.169.311</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>							<b>8.476.213.317</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>							<b>6.003.570.483</b>
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh							

01/01/2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	18.200.668.612	13.014.731.404	7.590.950.704	1.305.536.361	257.253.285	7.709.832.826	48.078.973.192
Tài sản không phân bổ							3.500.293.751.532
<b>Tổng tài sản</b>	<b>18.200.668.612</b>	<b>13.014.731.404</b>	<b>7.590.950.704</b>	<b>1.305.536.361</b>	<b>257.253.285</b>	<b>7.709.832.826</b>	<b>3.548.372.724.724</b>
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	248.903.276.058	-	117.462.661.034	366.365.937.092
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	442.191.841.457
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>248.903.276.058</b>	<b>-</b>	<b>117.462.661.034</b>	<b>808.557.778.549</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	185.299.348.082	13.111.179.415	-	220.107.118.112	52.077.037.344	388.262.005.101	858.856.688.054
Tài sản không phân bổ							2.954.806.308.374
<b>Tổng tài sản</b>	<b>185.299.348.082</b>	<b>13.111.179.415</b>	<b>-</b>	<b>220.107.118.112</b>	<b>52.077.037.344</b>	<b>388.262.005.101</b>	<b>3.813.662.996.428</b>
Nợ phải trả bộ phận	4.464.620.734	-	-	62.216.045.126	-	219.428.097.295	286.108.763.155
Nợ phải trả không phân bổ							558.023.117.787
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.464.620.734</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.216.045.126</b>	<b>-</b>	<b>219.428.097.295</b>	<b>844.131.880.942</b>

### b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm trước	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	191.218.295.102	85.890.944.369	195.475.837.399	53.146.343.397	-	19.031.853.680	544.763.273.947
Tài sản bộ phận							3.548.372.724.724
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							4.143.673.094
Năm nay	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	257.356.500.593	59.254.669.092	234.070.477.900	47.842.900.908	382.745.862.953	-	981.270.411.446
Tài sản bộ phận							3.813.662.996.428
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							8.476.213.317

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		01/01/2021		31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.600.983.258	-	76.734.825.238	-	11.600.983.258	76.734.825.238
Phải thu khách hàng	631.018.108.129	11.035.892.482	288.399.822.070	11.035.892.482	619.982.215.647	277.363.929.588
Trả trước cho người bán	11.029.529.737	1.301.620.413	9.706.806.018	1.303.951.913	9.727.909.324	8.402.854.105
Các khoản phải thu khác	155.618.537.918	873.033.836	165.975.402.365	1.032.556.836	154.745.504.082	164.942.845.529
Đầu tư tài chính dài hạn	2.932.165.900.000	-	2.875.965.900.000	-	2.932.165.900.000	2.875.965.900.000
<b>Cộng</b>	<b>3.741.433.059.042</b>	<b>13.210.546.731</b>	<b>3.416.782.755.691</b>	<b>13.372.401.231</b>	<b>3.728.222.512.311</b>	<b>3.403.410.354.460</b>

#### b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		01/01/2021		31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Phải trả cho người bán	230.529.989.839	-	166.742.868.656	-	230.529.989.839	166.742.868.656
Người mua trả tiền trước	7.648.775.163	-	108.803.239.940	-	7.648.775.163	108.803.239.940
Vay và nợ	451.568.609.318	-	433.314.628.142	-	451.568.609.318	433.314.628.142
Phải trả người lao động	8.197.991.848	-	11.253.522.652	-	8.197.991.848	11.253.522.652
Các khoản phải trả khác	54.080.267.206	-	34.020.233.167	-	54.080.267.206	34.020.233.167
<b>Cộng</b>	<b>752.025.633.374</b>		<b>754.134.492.557</b>		<b>752.025.633.374</b>	<b>754.134.492.557</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### 06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

#### a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### - Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### - Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### b. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	230.529.989.839	-	-	230.529.989.839
Người mua trả tiền trước	7.648.775.163	-	-	7.648.775.163
Vay và nợ	233.259.659.318	218.308.950.000	-	451.568.609.318
Chi phí phải trả	48.101.149.844	-	-	48.101.149.844
Các khoản phải trả phải nộp khác	54.080.267.206	-	-	54.080.267.206
<b>Cộng</b>	<b>573.619.841.370</b>	<b>218.308.950.000</b>	<b>-</b>	<b>791.928.791.370</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### - Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

### 07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### 08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2021

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Đơn vị tính: VND

**01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

**- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2021	Năm 2020
<b>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>	<b>777.835.000</b>	<b>748.500.000</b>
Hồ Minh Hoàng <i>Chủ tịch HĐQT</i>	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Tấn Đông <i>Phó CT HĐQT</i>	96.000.000	96.000.000
Đỗ Văn Nam <i>Thành viên HĐQT</i>	-	27.500.000
Nguyễn Xuân Hương <i>Phó CT HĐQT</i>	-	44.000.000
Trần Văn Thế <i>Phó CT HĐQT</i>	96.000.000	96.000.000
Võ Thụy Linh <i>Thành viên HĐQT</i>	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Đình Chinh <i>Thành viên độc lập HĐQT</i>	-	27.500.000
Hoàng Văn Hải <i>Thành viên độc lập HĐQT</i>	60.000.000	32.500.000
Nguyễn Thanh Trang <i>Thành viên HĐQT</i>	50.000.000	32.500.000
Trần Chung <i>Thành viên HĐQT</i>	60.000.000	32.500.000
Nguyễn Quang Huy <i>Thành viên HĐQT</i>	10.000.000	-
Hà Huy Hùng <i>Thành viên độc lập HĐQT</i>	10.000.000	-
Nguyễn Minh Giang <i>Trưởng ban kiểm soát</i>	96.000.000	84.000.000
Phạm Lê Huy <i>Thành viên BKS</i>	-	22.000.000
Lưu Tuấn Vũ <i>Thành viên BKS</i>	-	22.000.000
Cam Thị Minh Hải <i>Thành viên BKS</i>	60.000.000	26.000.000
Đỗ Thế Vinh <i>Thành viên BKS</i>	19.068.000	26.000.000
Phan Thị Mai <i>Thành viên BKS</i>	40.767.000	-
<b>Tiền lương</b>	<b>1.385.807.453</b>	<b>1.209.435.596</b>
Nguyễn Quang Huy <i>Tổng giám đốc</i>	315.000.000	-
Nguyễn Xuân Hương <i>Phó Tổng giám đốc</i>	-	240.000.000
Lê Hồng Vũ <i>Phó Tổng giám đốc</i>	-	100.434.783
Võ Ngọc Trung <i>Phó Tổng giám đốc</i>	400.000.000	176.500.000
Lê Châu Thắng <i>Phó Tổng giám đốc</i>	-	282.854.074
Trần Văn Dũng <i>Phó Tổng giám đốc</i>	264.285.714	-
Nguyễn Quỳnh Mai <i>Phó Tổng giám đốc</i>	46.521.739	-
Lưu Tuấn Vũ <i>Thành viên BKS</i>	-	78.000.000
An Văn Thiện <i>Kế toán trưởng</i>	-	142.391.304
Nguyễn Văn Ấn <i>Kế toán trưởng</i>	360.000.000	189.255.435

**02 Giao dịch với các bên liên quan khác:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICY Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

#### 02 Giao dịch với các bên liên quan khác: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 09 năm 2021
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của công ty mẹ
- Công ty Cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Người có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai
- Công ty Cổ phần Đầu tư ViNaLog	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT. HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai
- Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả (*)	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng

(\*) Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty con : 03 Công ty				
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	55.737.110.756	3.071.340.052
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	26.772.038.222	(382.949.036.865)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	26.569.040.243	10.352.587.623
- Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	5.289.006.438	13.409.217.284
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	60.996.887.185	174.683.797.868
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	3.211.049.480	5.015.380.129

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020		
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>				
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	21.862.595.453	28.259.692.192		
		Doanh thu vận hành các trạm thu phí	25.980.305.455	24.695.154.841		
		<b>Cộng</b>	<b>47.842.900.908</b>	<b>52.954.847.033</b>		
		<b>Giao dịch khác</b>				
		Đầu tư dài hạn	-	82.000.000.000		
		Đặt cọc góp vốn	82.500.000.000	95.800.000.000		
		<b>Cộng</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>177.800.000.000</b>		
		- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
				Doanh thu hoạt động xây lắp	62.037.603.636	102.849.923.639
Doanh thu vận hành trạm thu phí	19.033.371.461			20.020.978.404		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	209.864.406.360			196.980.628.180		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-			2.070.775.458		
<b>Cộng</b>	<b>290.935.381.457</b>			<b>321.922.305.681</b>		
<b>Giao dịch khác</b>						
Tiền bảo hành các công trình	-			79.892.000		
Đặt cọc góp vốn	-			180.700.000.000		
Đầu tư dài hạn	46.200.000.000			525.750.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>46.200.000.000</b>	<b>706.529.892.000</b>				

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	19.466.994.545	43.553.335.591
		Doanh thu hoạt động xây lắp	20.149.656.365	11.560.120.909
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	6.115.105.908	4.666.375.362
		<b>Cộng</b>	<b>45.731.756.818</b>	<b>59.779.831.862</b>
		<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Tạm ứng cổ tức	30.652.265.189	28.132.900.927		
<b>Cộng</b>	<b>30.652.265.189</b>	<b>28.132.900.927</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu dầu	-	33.843.264
		Doanh thu nước uống đóng chai	1.196.364	24.359.090
		Doanh thu cho thuê thiết bị, văn phòng	-	113.636.363
		Doanh thu thép	28.110.390	-
		<b>Cộng</b>	<b>29.306.754</b>	<b>171.838.717</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	2.512.359.092	5.088.431.818
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	8.575.953.635	8.107.520.814
		Doanh thu trung tu	27.866.059.308	-
		<b>Cộng</b>	<b>38.954.372.035</b>	<b>13.195.952.632</b>
		<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Tạm ứng cổ tức	12.000.000.000	-		
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>		

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	<b>Đầu tư</b>		
		Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	30.000.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư ViNaLog	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy	<b>Thu nhập khác</b>		
		Thu nhập về thanh lý tài sản	28.181.818.182	-
		<b>Cộng</b>	<b>28.181.818.182</b>	-
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Doanh thu cho thuê thiết bị, phương tiện	1.291.363.636	154.545.453
		Doanh thu hoạt động xây lắp	270.133.492.202	24.859.944.667
		Doanh thu nước uống đóng chai	2.900.908	42.685.452
		Doanh thu khác	-	514.622.364
<b>Cộng</b>	<b>271.427.756.746</b>	<b>25.571.797.936</b>		
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Chi phí vé máy bay	727.367.948	431.591.612
		Chi phí cung cấp công nghệ thông tin	1.066.590.000	1.110.936.750
		Chi phí mua vật tư	30.352.498.005	4.756.706.259
		Chi phí đào tạo thực sĩ	-	180.000.000
		Chi phí bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	558.936.253
		Chi phí mua đồng phục	-	1.304.174.025
		Chi phí vận hành trạm thu phí	-	6.467.378.826
		Cho Công ty Vay tiền	119.600.000.000	280.131.895.603
		<b>Cộng</b>	<b>151.746.455.953</b>	<b>294.941.619.328</b>
		<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	6.996.173.417	13.872.460.460		
<b>Cộng</b>	<b>6.996.173.417</b>	<b>13.872.460.460</b>		

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	<b>Giao dịch khác</b>		
		Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	202.000.000.000
		Tiền lãi vay	5.540.931.508	5.946.849.315
		Nhận trả nợ góp vốn	-	203.750.000.000
		Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	-	403.750.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>130.940.931.508</b>	<b>815.446.849.315</b>	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 9 năm 2021	<b>Chi phí tài chính</b>		
		Chi phí lãi vay	7.360.000.000	4.310.035.388
		<b>Cộng</b>	<b>7.360.000.000</b>	<b>4.310.035.388</b>
		<b>Giao dịch khác</b>		
		Thanh toán tiền lãi	95.000.000	190.000.000
		Cho Công ty vay tiền	-	92.000.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>95.000.000</b>	<b>92.190.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Doanh thu cho thuê xe	381.818.184	1.190.909.107
		Doanh thu cho thuê bất động sản	-	2.386.866.365
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.439.127.235	1.208.527.000
		<b>Cộng</b>	<b>8.820.945.419</b>	<b>4.786.302.472</b>
		<b>Chi phí tài chính</b>		
		Lãi vay	19.397.260	102.410.959
		<b>Cộng</b>	<b>19.397.260</b>	<b>102.410.959</b>
		<b>Giao dịch khác</b>		
		Thanh toán tiền vay	2.000.000.000	-
		Thanh toán tiền lãi vay	160.027.397	-
<b>Cộng</b>	<b>2.160.027.397</b>	<b>-</b>		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trường BKS Nguyễn Minh Giang	<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Chi phí dịch vụ bảo vệ	25.925.674.652	27.548.753.500
		<b>Cộng</b>	<b>25.925.674.652</b>	<b>27.548.753.500</b>
		<b>Giao dịch khác</b>		
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy	Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	27.044.819.152	20.434.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>27.044.819.152</b>	<b>20.434.000.000</b>
		<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Doanh thu thuê xe	430.909.086	109.090.911
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT. HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Doanh thu cho thuê bất động sản	-	207.272.728
		<b>Cộng</b>	<b>430.909.086</b>	<b>316.363.639</b>
		<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Chi phí thí nghiệm công trình, tư vấn	3.855.407.732	1.236.788.848
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	<b>Cộng</b>	<b>3.855.407.732</b>	<b>1.236.788.848</b>
		<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Doanh thu thuê xe	327.272.728	354.545.452
		<b>Cộng</b>	<b>327.272.728</b>	<b>354.545.452</b>
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	<b>Giao dịch khác</b>		
		Thu tiền thuê xe	270.000.000	210.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>270.000.000</b>	<b>210.000.000</b>
		<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Doanh thu thuê xe	310.909.091	-
		<b>Cộng</b>	<b>310.909.091</b>	-
		<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
		Chi phí duy tu cao tốc BGLS	12.002.472.727	-
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	<b>Cộng</b>	<b>12.002.472.727</b>	-
		Thanh toán chi phí duy tu	7.946.829.716	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

#### - PHẢI THU NGẮN HẠN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	22.607.397.457	20.603.812.712
		Phải thu vận hành trạm thu phí	4.074.030.800	1.217.433.000
		Ứng trước công trình	-	-
		<b>Cộng</b>	<b>26.681.428.257</b>	<b>21.821.245.712</b>
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	63.860.155.250	143.001.325.500
		Phải thu vận hành trạm thu phí	5.463.215.005	2.786.170.997
		Phải thu thi công hoạt động xây lắp	91.361.215.322	37.652.285.312
		Phải thu dịch vụ khác	965.078.270	965.078.270
<b>Cộng</b>	<b>161.649.663.847</b>	<b>184.404.860.079</b>		
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu tiền vận hành trạm thu phí	1.006.945.800	614.754.900
		Phải thu tiền thi công công trình xây lắp	31.167.934.320	13.017.985.320
		Phải thu Vận hành bảo dưỡng hầm, đường	19.832.381.700	43.523.187.000
<b>Cộng</b>	<b>52.007.261.820</b>	<b>57.155.927.220</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng JCV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	-	1.324.856.876
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.324.856.876</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	775.564.000	1.367.286.600
		Phải thu Vận hành các trạm thu phí	2.346.951.400	990.919.211
		Phải thu thi công trung tu	4.895.625.934	-
<b>Cộng</b>	<b>8.018.141.334</b>	<b>2.358.205.811</b>		
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải thu	140.481.698.327	-
<b>Cộng</b>	<b>140.481.698.327</b>	<b>-</b>		
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải thu cho thuê xe	420.000.000	-
		Phải thu cho thuê bất động sản	-	287.557.252
		Phải thu cung cấp dịch vụ	6.236.906.673	2.506.939.600
<b>Cộng</b>	<b>6.656.906.673</b>	<b>2.794.496.852</b>		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
<b>- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	-	20.713.793.022
		<b>Cộng</b>	-	<b>20.713.793.022</b>
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải trả tiền vé máy bay	1.496.249.851	749.145.107
		Phải trả tiền cung cấp công nghệ thông tin	2.746.185.750	1.572.936.750
		Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản	558.936.253	558.936.253
		Phải trả mua vật tư	19.270.116.299	4.756.706.259
		Phải trả mua đồng phục	1.304.174.025	1.304.174.025
		Phải trả khác	6.467.378.826	6.467.378.826
		Phải trả chi phí đào tạo thực sĩ	580.000.000	-
		<b>Cộng</b>	<b>32.423.041.004</b>	<b>15.409.277.220</b>
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Phải trả cung cấp dịch vụ	15.548.127.266	14.074.704.300
		<b>Cộng</b>	<b>15.548.127.266</b>	<b>14.074.704.300</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy	Phải trả cung cấp dịch vụ	1.796.396.412	-
		<b>Cộng</b>	<b>1.796.396.412</b>	-
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải trả cung cấp dịch vụ	5.845.966.284	-
		<b>Cộng</b>	<b>5.845.966.284</b>	-
<b>- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN</b>				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Ứng trước thi công hoạt động xây lắp	-	65.640.993.207
		<b>Cộng</b>	-	<b>65.640.993.207</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
<b>- PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC</b>				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay	22.808.627.028	15.812.453.611
		Phải trả tiền đảo tạo thực sĩ	-	180.000.000
		Bù trừ công nợ các gói công trình	(705.348.657)	(705.348.657)
		<b>Cộng</b>	<b>22.103.278.371</b>	<b>15.287.104.954</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	11.487.780.823	5.946.849.315
		<b>Cộng</b>	<b>11.487.780.823</b>	<b>5.946.849.315</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trường BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 9 năm 2021	Tiền lãi vay	-	4.120.035.388
		<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.120.035.388</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Tiền lãi vay	-	140.630.137
		<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>140.630.137</b>
<b>VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền	36.731.895.603	178.631.895.603
		<b>Cộng</b>	<b>36.731.895.603</b>	<b>178.631.895.603</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
		<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN</b>				
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Ứng trước thi công xây lắp	-	10.211.507.100
		<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>10.211.507.100</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
<b>VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	-
		<b>Cộng</b>	<b>125.400.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 09 năm 2021	Cho Công ty vay tiền	-	92.000.000.000
		<b>Cộng</b>	-	<b>92.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Cho Công ty vay tiền	-	2.000.000.000
		<b>Cộng</b>	-	<b>2.000.000.000</b>

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan

